

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/3/2022

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN
NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Cao Trung;
2. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm C khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu U, sinh năm: 2000.

Địa chỉ: Tổ 13, phường Q, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Phạm Ngọc C, sinh năm: 1999.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị U, anh C có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/10/2021, bản tự khai ngày 25/10/2021, biên bản phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, C khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/02/2022, tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Thu U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Ngọc C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng

Ngãi và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2019.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại nhà chồng ở xã N. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Anh C không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt về đánh đập chị làm ảnh hưởng đến tâm lý của chị. Mặc dù được cha mẹ hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện chị và anh C không còn sống chung, đã sống ly thân được hơn 8 tháng. Nay, chị U nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt nên chị U yêu cầu ly hôn với anh Phạm Ngọc C.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Phạm Ngọc Q, sinh ngày: 10/3/2018 và cháu Phạm Ngọc M, sinh ngày 14/7/2019. Khi ly hôn, chị U yêu cầu Tòa án giao cháu Phạm Ngọc M cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Phạm Ngọc Q cho anh Phạm Ngọc C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị U trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/10/2021 và biên bản kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/02/2022, tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Ngọc C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị U tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 27/12/2019. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống có vài lần xích mích, cãi nhau. Do tính nóng, nên có nhiều lần anh có lời xúc phạm đến gia đình chị U và có đánh chị U. Trong lúc mâu thuẫn, anh không kiềm chế được nên có đánh chị U vài lần sau đó chị U dẫn cháu Phạm Ngọc M về nhà mẹ đẻ ở. Anh có nói cha mẹ anh đến gặp gia đình của chị U để xin lỗi nhưng vẫn không có kết quả. Tuy vợ chồng anh sống ly thân nhưng anh vẫn gọi điện thăm hỏi con chung, vẫn đến nhà vợ đẻ thăm vợ và cháu M. Anh C nhận ra lỗi lầm, ăn năn, hối cải, anh hứa sẽ sửa đổi, không đánh đập chị U và anh có nguyện vọng được chị U bỏ qua lỗi lầm để quay về đoàn tụ. Nay chị U có yêu cầu xin ly hôn, anh C không đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Phạm Ngọc Q, sinh ngày: 10/3/2018 và cháu Phạm Ngọc M, sinh ngày 14/7/2019. Nếu chị U cương quyết ly hôn, Tòa cho ly hôn thì anh C đồng ý, giao cho chị U nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Ngọc M; giao cháu Phạm Ngọc Q cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị U, vợ chồng không anh có tài sản chung, nợ chung.

Tại biên bản xác minh ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi thể hiện:

Chị Trần Thị Thu U và anh Phạm Ngọc C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi số đăng ký kết hôn số 73 ngày 27/12/2019,

Về mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị U và anh C thì chính quyền địa phương không rõ vì từ trước đến nay, chị U và anh C chưa lần nào yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết mâu thuẫn trong hôn nhân.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị Thu U được ly hôn với anh Phạm Ngọc C. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Ngọc M cho chị U tiếp tục trực tiếp chăm sóc, trông nom và nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Ngọc Q cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí, buộc chị U phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp việc trực tiếp nuôi con nên xác định quan hệ có tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu U và anh Phạm Ngọc C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi và được cấp chứng nhận đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa chị U và anh C là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về căn cứ cho ly hôn: Trong quá trình chung sống chị U và anh C bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường hay xúc phạm nhau. Hiện chị U và anh C không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, phần ai nấy

sống, không thể hiện được sự yêu thương, chăm sóc và cùng nhau chia sẻ C việc, không cùng nhau thực hiện xây dựng gia đình. Tòa án mở phiên hòa giải để hai vợ chồng chị U và anh C hàn gắn tình cảm, đoàn tụ nhưng không tiến hành hoà giải được vì chị U không đồng ý đoàn tụ. Những tình tiết nêu trên đủ chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị U và anh C là trầm trọng, đời sống chung vợ chồng trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân giữa chị U và anh C không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị U, chị U được ly hôn với anh C.

[2.2] Về con chung: Chị U và anh C thống nhất có 02 con chung tên là Phạm Ngọc Q, sinh ngày: 10/3/2018 và cháu Phạm Ngọc M, sinh ngày 14/7/2019. Chị U và anh C thống nhất giao cháu Phạm Ngọc M cho chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Phạm Ngọc Q cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng và thỏa thuận tạm thời không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị U và anh C; giao cháu Phạm Ngọc M cho chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Ngọc Q cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị U và anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không nhận định.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị U và anh C trình bày không có nên Hội đồng xét xử không nhận định.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Thu U phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng hành dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thu U. Chị Trần Thị Thu U được ly hôn với anh Phạm Ngọc C.

2. Giao cháu Phạm Ngọc M cho chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Ngọc Q cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con chung, chị Trần Thị Thu U và anh Phạm Ngọc C hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Thị Thu U và anh Phạm Ngọc C tạm thời thỏa thuận không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu U phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị U đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000909 ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Chị Trần Thị Thu U và anh Phạm Ngọc C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã N;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Sơn

Huỳnh Cao Trung

Trương Thanh Hòa

